TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 450/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v Ly hôn giữa chị C và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Cẩu

Ông Phan Văn Dân

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên tòa*: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 186/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 159/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị N T C, sinh năm 1983 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
ĐKHKTT: Tổ 10, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.
Tạm trú: Ấp 3, xã L H, huyện C G, tỉnh Long An.

2.Bị đơn: Anh N Đ T, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 10, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, tờ tự khai ngày 29-5-2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị N T C trình bày:

+Về hôn nhân: Chị và anh N Đ T kết hôn năm 2003, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V A, huyện C T, tỉnh An

Giang số 40 Quyển số 01/2004 ngày 06-9-2004. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bên vợ. Đến năm 2015, vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân và sinh sống tại đó. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, trong việc làm ăn, tiền bạc, nợ nần. Anh T sinh ra ăn nhậu, không lo gì đến gia đình. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng nên vợ chồng luôn bất hòa gia đình không hạnh phúc. Từ tháng 03/2018, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh N Đ T.

+Về con chung: Có 03 con chung tên N T C T1, sinh ngày 15-9-2004; N T T2, sinh ngày 22-12-2008 và N T P, sinh ngày 19-3-2015. Hiện chị đang nuôi cháu T1 và cháu P, anh T đang nuôi cháu T2. Nếu ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 3 con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật.

+Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và 2 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh N Đ T, nhưng anh T vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26-9-2019, bà N T G trình bày: Bà là mẹ ruột của N Đ T, T hiện đang làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh, bà không biết rõ địa chỉ. Sau khi cưới vợ, T sống bên vợ. C gây nợ nần, nên cách nay khoảng 2 năm vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Theo bà C – T không có khả năng đoàn tụ. Hiện bà đang nuôi cháu N T T2, sinh ngày 22-12-2008. Cháu T2 đang học lớp 6 trường Trung học cơ sở V B. Khi T2 nghỉ hè C về rước T2 đi lên ở chơi, khi tựu trường thì đưa về bà nuôi. T gửi tiền về bà nuôi T2 đi học.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26-9-2019, ông N V T trình bày: Ông là cha nuôi của N T C. C – T không sống gần ông nên ông không rõ mâu thuẫn 2 đứa như thế nào. Khoảng 4 năm nay C – T không về thăm ông. Hiện nay bà N T G đang nuôi cháu T2.

Tại Tờ trình bày ý kiến ngày 20-8-2019, cháu N T C T1 trình bày: Cháu đang sống với mẹ, cháu đang đi làm công nhân tại xã L H, huyện C G, tỉnh Long An. Cha cháu bỏ mẹ con cháu gần 2 năm nay rồi, cha không về thăm cháu. Nếu cha mẹ cháu Ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01-10-2019, cháu N T T2 trình bày: Cháu đang sống với cha, cha cháu gửi cháu cho bà nội nuôi đi học, cháu học lớp 6

trường Trung học cơ sở V B, Cha có về thăm cháu và lo cho cháu đi học; mẹ cháu không về thăm cháu. Cha mẹ cháu hiện đang làm công nhân ở Thành phố Hồ Chí Minh. Cha mẹ cháu không sống chung. Hè vừa rồi mẹ cháu có rước cháu lên chơi 1 tháng. Nếu cha mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha và bà nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu cấp dưỡng không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn chị N T C, bị đơn anh N Đ T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nguyên đơn chị C có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với nguyên đơn chị C và bị đơn anh T.

[2] *Về hôn nhân:* Chị N T C và anh N Đ T kết hôn vào năm 2003. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang số 40 Quyển số 01/2004 ngày 06-9-2004 theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị C có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa chị C và anh T nhưng anh T không tham gia hòa giải. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26-9-2019, bà N T G là mẹ ruột của anh T trình bày C – T không sống chung hơn 2 năm nay, không có khả năng đoàn tụ. Từ khi sống ly thân đến nay chị C và anh T không ai có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị Cuốn và anh Tuấn là trầm trọng, không thể đoàn tụ. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị C được ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị N T C và anh N Đ T có 03 con chung. Chị C đang nuôi 2 con (T1 và P), anh T đang nuôi 1 con (T2).

Xét thấy: Cháu T1 hiện đang sống chị C, cháu T1 đã trên 15 tuổi và có nguyện vọng sống với chị C. Cháu T2 đang sống với anh T, cháu được đi học, cháu đã trên 10 tuổi và có nguyện vọng sống với anh T. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 92 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống cũng như sự phát triển tâm sinh lý của

cháu; Hội đồng xét xử xét thấy nên để cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung (T1 và P), anh T được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung (T2) là phù hợp.

Anh N Đ T có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị N T C có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định tại Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Chị N T C có quyền thăm nom con; không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này. Chị C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì anh N Đ T có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của chị C theo quy định tại Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị N T C yêu cầu anh N Đ T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Xét thấy: Hội đồng xét xử đã giao cho anh T nuôi cháu T2, chị C nuôi cháu T1 và cháu P. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-8-2019, chị C trình bày thu nhập đủ nuôi con. Tại Tờ trình bày ý kiến ngày 20-8-2019, cháu N T C T1 trình bày cháu đang đi làm công nhân tại xã L H, huyện C G, tỉnh Long An. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung:* Chị N T C trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N Đ T không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về nợ chung:* Chị N T C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N Đ T không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn chị N T C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014323 ngày 11-6-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn chị N T C, bị đơn anh N Đ T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 11, 89, 91, 92 và 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân:* Chị N T C được ly hôn với anh N Đ T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40 Quyển số 01/2004 ngày 06-9-2004 của Ủy ban nhân dân xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] *Về con chung:*

Chị N T C được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên N T C T1, sinh ngày 15-9-2004 và N T P, sinh ngày 19-3-2015.

Anh N Đ T được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên N T T2, sinh ngày 22-12-2008.

Anh N Đ T có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị N T C có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định tại Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Chị N T C có quyền thăm nom con; không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này. Chị C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì anh N Đ T có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của chị C theo quy định tại Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh N Đ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về án phí:* Nguyên đơn chị N T C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014323 ngày 11-6-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị N T C, bị đơn anh N Đ T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đông Hoà

Nơi nhận:
-Các đương sự (để thi hành);
-Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
-Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
-Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang;
-Lưu hồ sơ vụ án.